

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật – Dự toán
Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Vụ Bản**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25/4/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 930/QĐ-TTg ngày 30/5/2016 về việc phê duyệt danh mục Dự án; số 2139/QĐ-TTg ngày 20/12/2021 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn ngân hàng Thế giới; số 2531/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 Về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới; số 1141/QĐ-BTNMT ngày 20/5/2020 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG);

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nam Định: số 1864/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 phê duyệt dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn ngân hàng Thế giới; số 449/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 V/v phê duyệt điều chỉnh Dự án “ Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn Ngân hàng Thế giới”; số 572/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 V/v điều chỉnh kế hoạch tổng thể của Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn Ngân hàng Thế giới; phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2022 của dự án; điều chỉnh thời gian thực hiện các hợp đồng liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 05 huyện: Mỹ Lộc, Hải Hậu, Xuân Trường, Giao Thủy,

Nghĩa Hưng; số 692/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 V/v phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – Dự toán Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Vụ Bản; số 1586/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 về việc ban hành bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Xét nội dung tại công văn số 1065/UBND-TNMT ngày 16/11/2021 của UBND huyện Vụ Bản V/v đăng ký nội dung công việc tham gia dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai;

Xét nội dung tại báo cáo số 808/BC-STNMT ngày 24/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật – dự toán Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Nam Trực, huyện Trực Ninh và huyện Vụ Bản thuộc Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn Ngân hàng thế giới;

Theo đề nghị tại tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường số 818/TTr-STNMT ngày 24/3/2022 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật – Dự toán Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Vụ Bản thuộc Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn ngân hàng Thế giới và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật – Dự toán Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Vụ Bản thuộc Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn ngân hàng Thế giới với các nội dung chính sau:

1. Lý do điều chỉnh

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh Nam Định V/v phê duyệt điều chỉnh Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn Ngân hàng Thế giới” trong đó có điều chỉnh thời gian thực hiện của dự án đến 30/6/2023.

Theo đề nghị của UBND huyện Vụ Bản tại công văn số 1065/UBND-TNMT ngày 16/11/2021 của UBND huyện Vụ Bản V/v đăng ký nội dung công việc tham gia dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trong đó UBND huyện Vụ Bản đề nghị xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính của 13 xã khu vực ngoài đồng và 05 xã đã đo đạc chính quy gồm Tam Thanh, Trung Thành, Liên Bảo, Minh Tân và Thị trấn Gôi.

2. Nội dung điều chỉnh

2.1. Nhiệm vụ

Nội dung	Theo QĐ số 692/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Điều chỉnh

Nhiệm vụ	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	- 13/18 xã chỉ xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với khu vực đất nông nghiệp ngoài đồng; - 05/18 xã xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cho toàn xã.
----------	----------------------------------	---

2.2. Tổng dự toán

Nội dung	Theo QĐ số 692/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Điều chỉnh
Tổng dự toán	12.724.158.000 đồng. Bằng chữ: Mười hai tỷ, bảy trăm hai mươi tư triệu, một trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn.	10.560.795.000 đồng Bằng chữ: Mười tỷ, năm trăm sáu mươi triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

2.3. Nguồn vốn

Nội dung	Theo QĐ số 692/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Điều chỉnh	Ghi chú
Vốn vay Ngân hàng thế giới:	10.808.144.000 đồng	8.952.995.000 đồng	Bao gồm: 90% chi phí trong đơn giá sau thuế).
Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh:	1.916.014.000 đồng	1.607.800.000 đồng	Bao gồm 10% chi phí trong đơn giá sau thuế và toàn bộ phần chi phí khác sau thuế (chi phí khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật dự toán; chi phí giám sát, kiểm tra, nghiệm thu; chi phí tổ chức đấu thầu; chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán).

2.4. Thời gian thực hiện

Nội dung	Theo QĐ số 692/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Điều chỉnh
Thời gian thực hiện	Năm 2021-2022.	Năm 2022 đến ngày 30/6/2023.

Điều 2. Các nội dung còn lại giữ nguyên theo quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Nam Định V/v phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – Dự toán Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Vụ Bản để thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị: Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Vụ Bản và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP1, VP3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Dũng

Phụ lục*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2022 của UBND tỉnh Nam Định)*

Đơn vị tính : VNĐ

Số TT	Hạng mục	Tổng cộng trước thuế	Thuế VAT 10%	Thành tiền sau thuế	Phân theo đơn vị thực hiện	
					VPĐKĐĐ	Tổ chức đấu thầu
I	CHI PHÍ TRONG ĐƠN GIÁ	9.243.202.017	704.569.457	9.947.771.474	2.197.507.451	7.750.264.023
1	Dữ liệu không gian đất đai nền	283.537.629	25.771.618	309.309.247	25.821.449	283.487.798
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	8.603.140.700	648.045.855	9.251.186.555	2.122.682.148	7.128.504.407
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	258.096.387	21.197.362	279.293.749	46.122.766	233.170.983
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	60.266.086	5.885.168	66.151.254	1.414.403	64.736.850
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất	38.161.216	3.669.453	41.830.669	1.466.685	40.363.984
II	CHI PHÍ KHÁC	495.496.929	49.549.693	545.046.622	0	545.046.622
1	Chi phí khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán	98.039.242	9.803.924	107.843.166		107.843.166
2	Chi phí giám sát, kiểm tra, nghiệm thu	369.728.081	36.972.808	406.700.889		406.700.889
3	Chi phí tổ chức đấu thầu (gói thầu: xây dựng CSDL)	27.729.606	2.772.961	30.502.567		30.502.567
3.1	Lập Hồ sơ mời thầu	9.243.202	924.320	10.167.522		10.167.522
3.2	Thẩm định Hồ sơ mời thầu	4.621.601	462.160	5.083.761		5.083.761
3.3	Đánh giá Hồ sơ dự thầu	9.243.202	924.320	10.167.522		10.167.522
3.4	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	4.621.601	462.160	5.083.761		5.083.761
III	TỔNG (I+II)	9.738.698.946	754.119.150	10.492.818.096	2.197.507.451	8.295.310.645
IV	CHI PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN	67.977.084		67.977.084		67.977.084
III	CHI PHÍ DỰ PHÒNG					
	TỔNG DỰ TOÁN (III+IV)	9.806.676.030	754.119.150	10.560.795.180	2.197.507.451	8.363.287.729
	LÀM TRÒN	9.806.676.000	754.119.000	10.560.795.000	2.197.507.000	8.363.288.000